

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN BẮC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 34
Bảng cân đối kế toán	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc chính thức hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0104546308 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 22/03/2010, thay đổi lần thứ 8 ngày 20/05/2019.

Trụ sở chính của Công ty tại: 187B, Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Vĩnh Thái	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 28/05/2020)
Ông Hà Sỹ Chuẩn	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 28/05/2020)
Ông Dương Đình Thọ	Thành viên	
Ông Nguyễn Duy Hùng	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 28/05/2020)
Bà Nguyễn Thị Thu Hồng	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 28/05/2020)
Bà Bùi Thị Thu Lan	Thành viên	
Ông Nguyễn Châu Giang	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Dương Đình Thọ	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Châu Giang	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 26/01/2021)
Ông Nguyễn Văn Tại	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Trần Thị Phương Lan	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 28/05/2020)
Bà Nguyễn Thị Trà Giang	Trưởng ban	(Miễn nhiệm ngày 28/05/2020)
Bà Lê Thu Hương	Thành viên	
Bà Lê Hồng Phương	Thành viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc được lập ngày 08 tháng 03 năm 2021, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại Báo cáo kiểm toán số 040320.005/BCTC.KT5 ngày 04/03/2020 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, chúng tôi đã đưa ra ý kiến ngoại trừ về số dư khoản công nợ phải thu từ năm 2017 trở về trước tại các cửa hàng 187B Giảng Võ và 18/30 Tạ Quang Bửu của Công ty. Vấn đề này vẫn chưa được Công ty khắc phục, xử lý do đó chúng tôi tiếp tục đưa ý kiến ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, cụ thể như sau:

Tại Thuyết minh Báo cáo tài chính số 5, Công ty đang phân ánh khoản nợ phải thu tiền bán sách và thiết bị học tập từ năm 2017 trở về trước của khách hàng lẻ tại hai cửa hàng 187B Giảng Võ và 18/30 Tạ Quang Bửu trên chi tiêu "Phải thu ngắn hạn của khách hàng" với số tiền là 3.013.888.150 VND, số dự phòng nợ phải thu khó đòi tương ứng là 2.109.721.105 VND. Với các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể thu thập đầy

đủ các bằng chứng kiểm toán cần thiết liên quan đến các khoản công nợ này nên không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Đỗ Thị Ngọc Dung

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0659-2018-002-1

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Duy Quảng

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 3363-2020-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		55.996.549.996	39.422.081.929
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	6.515.349.372	16.042.574.954
111	1. Tiền		6.515.349.372	6.042.574.954
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	10.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	10	63.220.000	63.220.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		63.220.000	63.220.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		34.470.990.650	8.104.023.005
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	36.490.709.549	8.633.510.038
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	164.653.056	932.545.963
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	111.280.000	137.963.196
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.295.651.955)	(1.599.996.192)
140	IV. Hàng tồn kho	8	13.664.612.211	12.111.859.260
141	1. Hàng tồn kho		19.167.678.596	16.215.795.796
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(5.503.066.385)	(4.103.936.536)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.282.377.763	3.100.404.710
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	1.282.377.763	3.042.471.760
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	57.932.950

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		34.791.489.625	36.170.466.776
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		3.430.808.580	6.155.092.018
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	6.711.617.160	6.155.092.018
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(3.280.808.580)	-
220	II. Tài sản cố định		30.421.643.545	28.717.862.538
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	10.012.754.651	8.342.306.982
222	- Nguyên giá		18.011.368.716	13.424.593.844
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.998.614.065)	(5.082.286.862)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	20.408.888.894	20.375.555.556
228	- Nguyên giá		20.460.000.000	20.380.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(51.111.106)	(4.444.444)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	10	939.037.500	1.231.250.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.231.250.000	1.231.250.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(292.212.500)	-
260	IV. Tài sản dài hạn khác		-	66.262.220
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	-	66.262.220
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		90.788.039.621	75.592.548.705

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		18.092.132.919	6.876.171.844
310	I. Nợ ngắn hạn		18.092.132.919	6.876.171.844
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	7.258.167.927	2.232.327.859
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		482.728.752	27.349.120
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.714.097.991	958.414.470
314	4. Phải trả người lao động		5.506.343.274	2.490.835.071
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	126.260.604	138.300.009
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	2.270.937.512	442.291.215
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		733.596.859	586.654.100
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		72.695.906.702	68.716.376.861
410	I. Vốn chủ sở hữu		72.695.906.702	68.716.376.861
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	17	50.000.000.000	50.000.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		50.000.000.000	50.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		9.208.310.062	7.042.649.716
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2.042.829.569	1.598.452.213
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		11.444.767.071	10.075.274.932
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		1.187.727.804	1.187.727.804
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		10.257.039.267	8.887.547.128
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		90.788.039.621	75.592.548.705




Bùi Thị Thu
Người lập biểu



Bùi Thị Thu Lan
Kế toán trưởng




Dương Đình Thọ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	520.035.031.888	446.834.811.888
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		520.035.031.888	446.834.811.888
11	3. Giá vốn hàng bán	19	457.207.405.743	398.106.283.777
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		62.827.626.145	48.728.528.111
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	20	639.204.150	1.721.954.011
22	6. Chi phí tài chính	21	377.052.069	(403.730.016)
25	7. Chi phí bán hàng	22	28.394.674.624	21.520.497.187
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	21.439.551.034	19.301.626.015
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		13.255.552.568	10.032.088.936
31	10. Thu nhập khác	24	2.624.320	1.411.495.540
32	11. Chi phí khác	25	264.189.018	190.351.748
40	12. Lợi nhuận khác		(261.564.698)	1.221.143.792
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		12.993.987.870	11.253.232.728
51	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	2.736.948.603	2.365.685.600
60	15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>10.257.039.267</u>	<u>8.887.547.128</u>
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	1.641	1.511

Bùi Thị Thu
Người lập biểu

Bùi Thị Thu Lan
Kế toán trưởng



Dương Đình Thọ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2020
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		12.993.987.870	11.253.232.728
	2. Điều chỉnh cho các khoản		8.502.250.340	(1.030.228.858)
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		3.033.023.865	2.115.844.544
03	- Các khoản dự phòng		5.667.806.692	(1.495.295.683)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(198.580.217)	(1.650.777.719)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		21.496.238.210	10.223.003.870
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(27.561.215.600)	4.041.721.075
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(2.951.882.800)	(1.326.145.349)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		10.397.755.313	(1.766.590.487)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.826.356.217	(2.103.329.538)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.065.685.600)	(2.047.074.980)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		55.000.000	40.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.685.566.667)	(1.425.150.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(489.000.927)	5.636.434.591
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(4.736.804.872)	(28.093.696.759)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	13.255.438.960
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(18.750.000)
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	471.648.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		198.580.217	478.798.837
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(4.538.224.655)	(13.906.560.962)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(4.500.000.000)	(4.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(4.500.000.000)	(4.000.000.000)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(9.527.225.582)	(12.270.126.371)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		16.042.574.954	28.312.701.325
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>6.515.349.372</u>	<u>16.042.574.954</u>

Bùi Thị Thu
Người lập biểu

Bùi Thị Thu Lan
Kế toán trưởng



Dương Đình Thọ
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 315/QĐ-TCNS ngày 16/03/2010 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam nhằm mục đích hoàn thiện hệ thống kênh phân phối sách giáo khoa của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0104546308 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 22/03/2010. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 20/05/2019.

Công ty đã thực hiện đăng ký và chính thức giao dịch cổ phiếu phổ thông trên sàn UPCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 21/08/2017 với mã chứng khoán là NBE.

Trụ sở chính của Công ty tại: 187B, Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 50.000.000.000 VND (Năm mươi tỷ đồng chẵn).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 62 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 59 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh:

- Phát hành sách giáo khoa và các sản phẩm giáo dục, báo chí, văn phòng phẩm,...
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- In ấn và các dịch vụ liên quan đến in ấn;
- Sao chép băng ghi các loại (trừ loại Nhà nước cấm);
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Do đặc thù về ngành nghề kinh doanh, trong năm hoạt động sản xuất của đơn vị không chịu nhiều ảnh hưởng từ dịch bệnh Covid-19. Việc phân phối Bộ sách giáo khoa lớp 1 và các sách tham khảo cũng như thiết bị giáo dục đi kèm theo chương trình giáo dục phổ thông mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo làm cho doanh thu tăng mạnh 73 tỷ đồng (tương ứng tăng 16,4%) so với năm trước. Trong khi đó, Công ty lại được hưởng mức chiết khấu cao hơn từ Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Những yếu tố này làm cho lợi nhuận trước thuế năm nay của Công ty tăng lên 12,9 tỷ đồng so với hơn 11,2 tỷ đồng năm 2019.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: Căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: Nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; Nếu khoản đầu tư không xác định

được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 năm
- Tài sản cố định khác	04 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao

Trong năm, Công ty áp dụng khấu hao nhanh (với mức khấu hao không vượt quá 2 lần so với phương pháp khấu hao đường thẳng) đối với phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản cố định khác để nhanh chóng thu hồi vốn.

2.9. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Khi đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, BCC được giao cho đối tác hạch toán toàn bộ doanh thu, chi phí, thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước và phân chia lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ quy định trong hợp đồng BCC.

2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.14. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm tài chính và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.16. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác,...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

2.18. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.19. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ;

- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mỗi quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.20. Thông tin bộ phận

Do hoạt động chủ yếu của công ty là phân phối sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm và thực hiện các dịch vụ liên quan đến in ấn, địa bàn hoạt động chủ yếu là khu vực Miền Bắc nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3. TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	78.444.211	9.385.470
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.436.905.161	6.033.189.484
Các khoản tương đương tiền	-	10.000.000.000
	6.515.349.372	16.042.574.954

4. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn (trên 10% số dư khoản mục)				
- Công nợ tại cửa hàng 187B Giảng Võ và 18/30 Tạ Quang Bửu ⁽ⁱ⁾	3.013.888.150	(2.109.721.705)	3.013.888.150	(1.506.944.075)
- Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Yên Bái	6.395.751.349	-	1.087.877.660	-
- Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Sơn La	4.439.953.100	-	328.130.095	-
- Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Lai Châu	2.495.958.795	-	3.454.633	-
b) Các khoản phải thu khách hàng khác				
- Các khoản phải thu của khách hàng khác	20.145.158.155	(132.931.595)	4.200.159.500	(93.052.117)
	36.490.709.549	(2.242.653.300)	8.633.510.038	(1.599.996.192)
c) Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	440.187.120	-	13.163.920	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)

⁽ⁱ⁾ Nợ phải thu tiền bán sách và thiết bị giáo dục, văn phòng phẩm tại 2 cửa hàng 187B Giảng Võ và 18/30 Tạ Quang Bửu từ năm 2017 trở về trước nhưng chưa được nộp về Công ty. Công ty đã thành lập tổ công tác để rà soát lại số liệu và xác định trách nhiệm đối với những cá nhân có liên quan trong giai đoạn này. Theo Báo cáo kết quả làm việc số 02/TCT-STBMB của Tổ công tác ngày 12/05/2018 mặc dù đồng ý và ký trên các biên bản xác minh số liệu chi tiết nhưng kế toán cửa hàng không đồng ý ký xác nhận số liệu tổng hợp lại từ các biên bản chi tiết này. Tại ngày

31/12/2020, Công ty trích dự phòng với tỷ lệ 70% trên tổng số nợ phải thu và đánh giá rằng, số dự phòng đã trích là đủ để bù đắp các tổn thất nếu có.

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Mai Nhị Hà	-	-	350.000.000	-
Trả trước cho người bán khác	164.653.056	(52.998.655)	582.545.963	-
	164.653.056	(52.998.655)	932.545.963	-

6. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Tạm ứng	111.280.000	-	108.080.000	-
Dự thu lãi tiền gửi	-	-	18.958.905	-
Phải thu khác	-	-	10.924.291	-
	111.280.000	-	137.963.196	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	50.000.000	-	85.911.700	-
Phải thu khác	6.661.617.160	(3.280.808.580)	6.069.180.318	-
- Công ty CP In Sách Giáo Khoa tại Thành phố Hà Nội ⁽ⁱ⁾	6.561.617.160	(3.280.808.580)	5.969.180.318	-
- Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	100.000.000	-	100.000.000	-
	6.711.617.160	(3.280.808.580)	6.155.092.018	-

⁽ⁱ⁾ Đây là khoản góp vốn của Công ty theo Hợp đồng số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 cùng với Công ty CP In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội và một số đơn vị khác thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam để thực hiện dự án mở rộng mặt bằng sản xuất (làm kho, xưởng sản xuất) tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội theo hình thức tài sản đồng kiểm soát. Dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư và được thuê đất, ký hợp đồng thuê đất và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 7.662 m². Tuy nhiên, do nhiều lý do khách quan Giấy chứng nhận đầu tư của Dự án được UBND Thành phố Hà Nội cấp đã hết hạn từ năm 2016. Vì thế, để triển khai dự án, các bên phải thực hiện các thủ tục để xin gia hạn Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy phép xây dựng.

Ngày 16/05/2019, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam ra văn bản số 661/NXBGDVN đồng ý về mặt chủ trương cho phép Công ty CP In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội đại diện các bên ký hợp đồng hợp tác với Công ty CP Sản xuất phát triển Mizen. Trên cơ sở đó, Công ty CP In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội (bên A) và Công ty CP Sản xuất phát triển Mizen (bên B) đã ký hợp đồng hợp tác đầu tư số 131/2019/HTĐT ngày 31/05/2019 để tham gia hợp tác đầu tư, quản lý sử dụng và kinh doanh dự án trên đất. Sau khi hoàn thành dự án theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền, các bên thống nhất sẽ thực hiện cùng kinh doanh khai thác và phân chia lợi nhuận thu được. Tuy nhiên, đầu năm 2020, Công ty CP Sản xuất phát triển Mizen đã rút khỏi dự án.

Ngày 04/05/2020, Dự án được UBND Thành phố Hà Nội gia hạn thời gian thuê đất 24 tháng để thực hiện dự án theo Quyết định số 1786/QĐ-UBND kể từ ngày ký quyết định gia hạn (04/05/2020). Công ty đã làm việc với các Sở ban ngành với đầu mối chủ trì là Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội để thực hiện thủ tục gia hạn thời gian thực hiện dự án đầu tư. Sau các ý kiến tham gia của các Sở ban ngành, ngày 18/11/2020 Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội đã ban hành báo cáo thẩm định số 730/BC-KHĐT thẩm định việc đề nghị điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án gửi UBND Thành phố. Trong đó Sở Kế hoạch và Đầu tư đã kiến nghị UBND Thành phố chấp thuận phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án theo đề nghị của Nhà đầu tư, theo đó điều chỉnh thời gian khởi công và hoàn thành dự án từ 2020-2022 thay vì 2013-2016 như trước đây.

Ngày 07/12/2020, UBND Thành phố Hà Nội có văn bản chỉ đạo số 10816/VP-KT trong đó giao lại Sở Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu kỹ ý kiến tham gia của UBND Huyện Đông Anh, Sở Tài nguyên Môi trường để làm rõ nguyên nhân chủ quan khách quan dự án chậm tiến độ, trách nhiệm và cam kết của Nhà đầu tư; rà soát lại nội dung thẩm định sự phù hợp về Quy hoạch của dự án; Kiểm tra lại nội dung đề xuất thời gian hoàn thành dự án (Quý 2/2022) đảm bảo phù hợp với thời hạn gia hạn sử dụng đất, nghiên cứu đánh giá lại hiệu quả đầu tư cho phù hợp với lộ trình chuyển đổi mục đích sử dụng của dự án; tham mưu báo cáo UBND Thành phố theo đúng quy định pháp luật.

Như vậy cho đến ngày 31/12/2020, Dự án vẫn chưa được gia hạn thời gian thực hiện. Để dự phòng rủi ro, Công ty thực hiện trích dự phòng 50% trên số số tiền đã góp, tương ứng với giá trị là 3.280.808.580 VND.

(ii) Đây là khoản góp vốn với Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam để thực hiện dự án xây dựng Trung tâm xuất bản phát hành sách giáo khoa theo Hợp đồng góp vốn số 1F/2010/HĐGV ngày 08/07/2010. Tổng số vốn góp dự kiến của toàn dự án là 220.000.000.000 đồng, trong đó số vốn góp dự kiến của Công ty sẽ được phân bổ dựa trên tiến độ của dự án. Cho đến thời điểm này, dự án chưa được triển khai.

7. NỢ XẤU

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công nợ tại cửa hàng 187B Giảng Võ và 18/30 Tạ Quang	3.013.888.150	904.166.445	3.013.888.150	1.506.944.075
Công ty CP In Sách Giáo Khoa tại Thành phố Hà Nội	6.561.617.160	3.280.808.580	5.969.180.318	5.969.180.318
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000
Các khoản khác	185.930.250	-	132.931.595	39.879.478
	9.861.435.560	4.284.975.025	9.216.000.063	7.616.003.871

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.942.413.354	-	2.783.101.684	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	428.081.857	-	641.684.887	-
Thành phẩm	5.324.188.131	(3.303.685.544)	6.521.102.830	(2.256.952.774)
Hàng hoá	9.472.995.254	(2.199.380.841)	6.269.906.395	(1.846.983.762)
	19.167.678.596	(5.503.066.385)	16.215.795.796	(4.103.936.536)

Tại ngày 31/12/2020, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho lượng hàng tồn kho có giá gốc 6.069.948.851 VND là các sách và thiết bị ứ đọng, kém, mất phẩm chất khó có khả năng tiêu thụ.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Thuế GTGT chờ kết chuyển	682.117.117	622.414.338
- Chi phí tổ chức bán thảo, phí quản lý xuất bản	492.250.800	1.235.752.018
- Thiết bị quản lý và Chi phí sửa chữa Văn phòng Công ty	108.009.846	1.184.305.404
	1.282.377.763	3.042.471.760
b) Dài hạn		
- Chi phí hoàn thiện văn phòng công ty	-	66.262.220
	-	66.262.220

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Chứng khoán kinh doanh

	Mã chứng khoán	31/12/2020			01/01/2020		
		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị cổ phiếu		63.220.000	101.120.000	-	63.220.000	89.600.000	-
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội ⁽¹⁾	EID	63.220.000	101.120.000	-	63.220.000	89.600.000	-
		63.220.000	101.120.000	-	63.220.000	89.600.000	-

⁽¹⁾ Cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội đang được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2019 và 31/12/2020 trên sàn HNX.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Mã chứng khoán	31/12/2020		01/01/2020	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
Các khoản đầu tư khác		1.231.250.000	(292.212.500)	1.231.250.000	-
- Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	EPH	1.212.500.000	(292.212.500)	1.212.500.000	-
- Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Lai Châu		18.750.000	-	18.750.000	-
		1.231.250.000	(292.212.500)	1.231.250.000	-

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác vào ngày 31/12/2020 như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Hà Nội	4,9%	4,9%	Tổ chức biên soạn, biên tập, in, chế bản sách
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Lai Châu	Lai Châu	5,1%	5,1%	Phát hành sách giáo dục, thiết bị giáo dục

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	5.036.417.444	6.381.964.243	828.800.203	1.177.411.954	13.424.593.844
- Mua trong năm	-	4.527.882.118	128.922.754	-	4.656.804.872
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(70.030.000)	-	(70.030.000)
Số dư cuối năm	5.036.417.444	10.909.846.361	887.692.957	1.177.411.954	18.011.368.716
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	286.467.464	3.718.727.496	523.959.296	553.132.606	5.082.286.862
- Khấu hao trong năm	501.850.404	1.774.560.320	319.100.412	390.846.067	2.986.357.203
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(70.030.000)	-	(70.030.000)
Số dư cuối năm	788.317.868	5.493.287.816	773.029.708	943.978.673	7.998.614.065
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	4.749.949.980	2.663.236.747	304.840.907	624.279.348	8.342.306.982
Tại ngày cuối năm	4.248.099.576	5.416.558.545	114.663.249	233.433.281	10.012.754.651

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm 31/12/2020 là 2.756.867.085 VNĐ.

Trong năm, Công ty áp dụng khấu hao nhanh (với mức khấu hao không vượt quá 2 lần so với phương pháp khấu hao đường thẳng) đối với phương tiện vận tải, truyền dẫn, thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản cố định khác. Khấu hao theo phương pháp này cao hơn so với khấu hao theo phương pháp đường thẳng là 1.082.262.311 VNĐ.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	20.300.000.000	80.000.000	20.380.000.000
- Mua trong năm	-	80.000.000	80.000.000
Số dư cuối năm	20.300.000.000	160.000.000	20.460.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	4.444.444	4.444.444
- Khấu hao trong năm	-	46.666.662	46.666.662
Số dư cuối năm	-	51.111.106	51.111.106
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	20.300.000.000	75.555.556	20.375.555.556
Tại ngày cuối năm	20.300.000.000	108.888.894	20.408.888.894

(*) Quyền sử dụng đất là giá trị quyền sử dụng 02 lô đất tại Khu đô thị Văn Khê, Quận Hà Đông được Công ty mua để làm trụ sở, có thời gian sử dụng lâu dài nên Công ty không trích khấu hao.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	357.605.393	357.605.393	1.919.721.139	1.919.721.139
- Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	691.493.133	691.493.133	6.105.000	6.105.000
- Công ty CP Sách và Thiết bị trường học TP Hồ Chí Minh	3.213.515.449	3.213.515.449	26.373.321	26.373.321
- Công ty CP Dịch vụ xuất bản giáo dục tại Đà Nẵng	835.904.971	835.904.971	46.188.335	46.188.335
- Phải trả cho các đối tượng khác	2.159.648.981	2.159.648.981	233.940.064	233.940.064
	7.258.167.927	7.258.167.927	2.232.327.859	2.232.327.859
b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)	4.262.613.975	4.262.613.975	1.952.199.460	1.952.199.460

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	386.724.074	222.636.457	-	164.087.617
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	865.685.600	2.736.948.603	2.065.685.600	-	1.536.948.603
Thuế thu nhập cá nhân	-	92.728.870	668.907.307	748.574.406	-	13.061.771
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
	-	958.414.470	3.796.579.984	3.040.896.463	-	1.714.097.991

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phí tổ chức bản thảo	126.260.604	138.300.009
	126.260.604	138.300.009

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	77.901.696	70.821.364
Phải trả khác	2.193.035.816	371.469.851
- Hoa hồng môi giới	1.387.743.503	297.970.855
- Phải trả sau quyết toán vật tư	83.858.626	70.958.406
- Tuyên truyền, giới thiệu, quảng cáo	630.523.855	-
- Các khoản phải trả khác	90.909.832	2.540.590
	2.270.937.512	442.291.215

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	50.000.000.000	3.983.567.543	1.157.259.577	10.011.580.521	65.152.407.641
Lãi trong năm trước	-	-	-	8.887.547.128	8.887.547.128
Trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
Trích lập các quỹ	-	3.059.082.173	441.192.636	(3.500.274.809)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.323.577.908)	(1.323.577.908)
Số dư cuối năm trước	50.000.000.000	7.042.649.716	1.598.452.213	10.075.274.932	68.716.376.861
Số dư đầu năm nay	50.000.000.000	7.042.649.716	1.598.452.213	10.075.274.932	68.716.376.861
Lãi trong năm nay	-	-	-	10.257.039.267	10.257.039.267
Trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	(4.500.000.000)	(4.500.000.000)
Trích lập các quỹ	-	2.165.660.346	444.377.356	(2.610.037.702)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.777.509.426)	(1.777.509.426)
Số dư cuối năm nay	50.000.000.000	9.208.310.062	2.042.829.569	11.444.767.071	72.695.906.702

Theo nghị quyết số 08/NQ-ĐHCĐ ngày 25 tháng 05 năm 2020 thông qua phương án phân phối lợi nhuận của năm 2019 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế		8.887.547.128
Trích Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5,00%	444.377.356
Trích Quỹ khen thưởng CBCNV	5,00%	444.377.356
Trích Quỹ phúc lợi	10,00%	888.754.713
Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành	5,00%	444.377.356
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	24,37%	2.165.660.346
Chi trả cổ tức (tương ứng mỗi cổ phần nhận 900 đồng)	9,00%	4.500.000.000

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2020 VND	Tỷ lệ %	01/01/2020 VND	Tỷ lệ %
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	23.000.000.000	46,00%	23.000.000.000	46,00%
Các cổ đông khác	27.000.000.000	54,00%	27.000.000.000	54,00%
Cộng	50.000.000.000	100%	50.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	50.000.000.000	50.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	4.500.000.000	4.000.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	4.500.000.000	4.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	4.500.000.000	4.000.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	4.500.000.000	4.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả cuối năm	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	9.208.310.062	7.042.649.716
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2.042.829.569	1.598.452.213
	11.251.139.631	8.641.101.929

18. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	467.711.168.962	394.026.974.193
Doanh thu bán thành phẩm	52.323.862.926	52.807.837.695
	520.035.031.888	446.834.811.888
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)	1.087.600.893	2.683.300.402

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	427.955.139.752	369.730.604.878
Giá vốn của thành phẩm đã bán	27.853.136.142	29.464.585.615
Trích lập/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.399.129.849	(1.088.906.716)
	457.207.405.743	398.106.283.777
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)	391.245.217.235	365.695.240.870

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi	69.010.217	368.187.742
Lãi bán các khoản đầu tư	-	3.468.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	129.570.000	129.570.000
Chiết khấu thanh toán, thu tiền phạt chậm thanh toán	440.623.933	1.220.728.269
	639.204.150	1.721.954.011

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chiết khấu thanh toán	84.839.569	20.644.984
Trích lập/ Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư tài chính	292.212.500	(424.375.000)
	377.052.069	(403.730.016)

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.105.756	5.761.419
Chi phí nhân công	10.565.798.362	7.845.964.796
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	325.270.946	127.851.600
Chi phí khấu hao tài sản cố định	473.600.204	374.135.312
Thuế, phí và lệ phí	33.314.995	19.500.856
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.248.721.841	6.335.772.908
Chi phí khác bằng tiền	10.727.862.520	6.811.510.296
	28.394.674.624	21.520.497.187

Trong đó: Chi phí bán hàng mua từ các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)

	1.164.673.897	1.151.852.728
--	----------------------	----------------------

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nhân công	5.392.477.875	6.190.148.745
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	1.571.922.083	461.498.564
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.244.987.401	1.741.709.232
Thuế, phí và lệ phí	157.908.756	68.041.976
Chi phí dự phòng	3.976.464.343	17.986.033
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.882.008.501	4.165.678.451
Chi phí khác bằng tiền	6.213.782.075	6.656.563.014
	21.439.551.034	19.301.626.015

24. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	1.149.551.977
Các khoản khác	2.624.320	261.943.563
	2.624.320	1.411.495.540

25. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Các khoản bị phạt	-	87.365.273
Các khoản khác	264.189.018	102.986.475
	264.189.018	190.351.748

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	12.993.987.870	11.253.232.728
Các khoản điều chỉnh tăng	820.325.147	704.765.273
- Các khoản tiền phạt thuế, thù lao HĐQT và BKS không trực tiếp điều hành và các chi phí không được trừ khác	189.000.000	276.765.273
- Chi phí khấu hao các xe ô tô vượt 1,6 tỷ	631.325.147	428.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	129.570.000	129.570.000
- Thu nhập từ chia cổ tức được miễn thuế TNDN	129.570.000	129.570.000
Thu nhập chịu thuế TNDN	13.684.743.017	11.828.428.001
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	2.736.948.603	2.365.685.600
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	865.685.600	547.074.980
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(2.065.685.600)	(2.047.074.980)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	1.536.948.603	865.685.600

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	10.257.039.267	8.887.547.128
Các khoản điều chỉnh :	2.051.407.853	1.333.132.069
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế	2.051.407.853	1.333.132.069
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	8.205.631.414	7.554.415.059
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.641	1.511

Quỹ khen thưởng phúc lợi được tạm xác định theo kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua.

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.542.521.363	11.055.175.234
Chi phí nhân công	15.958.276.237	14.036.113.541
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	1.897.193.029	589.350.164
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.033.023.865	2.115.844.544
Thuế, phí và lệ phí	191.223.751	87.542.832
Chi phí dự phòng/Hoàn nhập dự phòng	3.976.464.343	17.986.033
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.402.393.829	30.947.204.204
Chi phí khác bằng tiền	16.941.644.595	13.573.408.470
	76.942.741.012	72.422.625.022

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.515.349.372	-	16.042.574.954	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	43.313.606.709	(5.576.460.535)	14.926.565.252	(1.599.996.192)
Đầu tư ngắn hạn	63.220.000	-	63.220.000	-
Đầu tư dài hạn	1.212.500.000	(292.212.500)	1.212.500.000	-
	51.104.676.081	(5.868.673.035)	32.244.860.206	(1.599.996.192)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	9.529.105.439	2.674.619.074
Chi phí phải trả	126.260.604	138.300.009
	9.655.366.043	2.812.919.083

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2020				
Đầu tư ngắn hạn	63.220.000	-	-	63.220.000
Đầu tư dài hạn	-	920.287.500	-	920.287.500
Cộng	63.220.000	920.287.500	-	983.507.500
Tại ngày 01/01/2020				
Đầu tư ngắn hạn	63.220.000	-	-	63.220.000
Đầu tư dài hạn	-	1.212.500.000	-	1.212.500.000
Cộng	63.220.000	1.212.500.000	-	1.275.720.000

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.515.349.372	-	-	6.515.349.372
Phải thu khách hàng, phải thu khác	34.306.337.594	3.430.808.580	-	37.737.146.174
Cộng	40.821.686.966	3.430.808.580	-	44.252.495.546
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.042.574.954	-	-	16.042.574.954
Phải thu khách hàng, phải thu khác	7.171.477.042	6.155.092.018	-	13.326.569.060
Cộng	23.214.051.996	6.155.092.018	-	29.369.144.014

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2020				
Phải trả người bán, phải trả khác	9.529.105.439	-	-	9.529.105.439
Chi phí phải trả	126.260.604	-	-	126.260.604
	9.655.366.043	-	-	9.655.366.043
Tại ngày 01/01/2020				
Phải trả người bán, phải trả khác	2.674.619.074	-	-	2.674.619.074
Chi phí phải trả	138.300.009	-	-	138.300.009
	2.812.919.083	-	-	2.812.919.083

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm tài chính:

	Mối quan hệ	Năm 2020	Năm 2019
		VND	VND
Doanh thu bán hàng		1.087.600.893	2.683.300.402
- Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cổ đông lớn	451.660.415	13.163.920
- Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng cổ đông lớn	484.800.554	2.368.690.786
- Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo dục Miền Nam	Cùng cổ đông lớn	151.139.924	301.445.696
Mua hàng hóa, dịch vụ		392.409.891.132	366.847.093.598
- Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng cổ đông lớn	380.063.703.190	363.084.710.767
- Công ty CP Sách và Thiết Bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư	9.581.340.042	508.598.694
- Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng cổ đông lớn	2.764.847.900	3.253.784.137

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2020	01/01/2020
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		440.187.120	13.163.920
- Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cổ đông lớn	440.187.120	13.163.920
Phải trả cho người bán ngắn hạn		4.262.613.975	1.952.199.460
- Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng cổ đông lớn	357.605.393	1.919.721.139
- Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng cổ đông lớn	691.493.133	6.105.000
- Công ty CP Sách và Thiết Bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh	Cùng cổ đông lớn	3.213.515.449	26.373.321

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	602.229.580	628.193.365
Thu nhập của HĐQT và các Phó Tổng Giám đốc	1.478.657.802	2.032.494.750

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Bùi Thị Thu
Người lập biểu

Bùi Thị Thu Lan
Kế toán trưởng



Dương Đình Thọ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2021

